

Bản án số: 200 /2020/HNGĐ- ST  
Ngày 11 – 6 - 2020  
V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Vương Đăng Khoa**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

**- Thư ký phiên toà:** Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2020/TLST- HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXX-ST ngày 27/5/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1987; HKTT: Khu H, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Đội 4, thôn S, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. ( Có mặt)

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1985; HKTT: Khu H, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 5 – Yên Định – Thanh Hóa. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị S trình bày:** Tôi và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 30/11/2006. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống bình thường đến năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2010, anh Đ phải đi chấp hành án do vi phạm pháp luật. Hiện nay anh Đ vẫn đang chấp hành án tại Trại 5 – Yên Định – Thanh Hóa. Nay tôi không còn tình cảm với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/02/2007 và Nguyễn Viết H, sinh ngày 18/12/2010. Sau khi ly hôn, tôi xin nuôi 02 con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: vợ chồng tôi không nợ ai và không cho ai vay nợ; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những vấn đề trên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

**Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:** Tôi và chị Nguyễn Thị S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tôi chơi bời, không chăm lo cho vợ con, tôi nghiện ma túy, liên tục vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án. Hiện tại tôi đang chấp hành án phạt 30 năm tù về tội Cướp giật tài sản, Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Trại giam số 5 – Thống Nhất - Yên Định – Thanh Hóa. Nay chị S xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/2/2007 và Nguyễn Viết H, sinh ngày 18/12/2010. Hiện tại tôi đang chấp hành án nên không thể trực tiếp chăm sóc con và cấp dưỡng nuôi con nên nguyện vọng của tôi để chị S nuôi dưỡng cả 2 con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

**Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị S được ly hôn anh Đông. Con chung: Giao 02 con chung cho chị S nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản, công sức, công nợ: không có. Chị S phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1]. Chị Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Anh Nguyễn Văn Đ có HKTT tại Khu H, thị trấn C, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân

huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn – anh Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn Đ thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 30/11/2006 là hợp pháp. Quá trình anh Đ, chị S phát sinh mâu thuẫn. Theo chị S nguyên nhân mâu thuẫn do mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Theo anh Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh chơi bời, không chăm lo cho vợ con, nghiện ma túy, liên tục vi phạm pháp luật. Hiện anh Đ đang chấp hành án tại Trại giam số 5. Chị S xin ly hôn, anh Đ đồng ý.

Xét thấy, tình cảm giữa chị S và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S với anh Đ là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị S và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/2/2007 và Nguyễn Viết H, sinh ngày 18/12/2010. Chị S có nguyện vọng xin nuôi 02 con chung, anh Đ nhất trí. Hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, giao cho chị S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị S và anh Đ không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị S và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/2/2007 và Nguyễn Viết H, sinh ngày 18/12/2010.

Chị Nguyễn Thị S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 18/2/2007 và Nguyễn Viết H, sinh ngày 18/12/2010 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004733 ngày 11/5/2020.

Chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện ( 02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử  
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

**Vương Đăng Khoa**

